

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PHAN THỊ KIM OANH

**THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁP LÝ
CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH VĨNH PHÚC**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60 34 04 10

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH

Hà Nội - 2015

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Về tính cấp thiết của đề tài:

Tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh có số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa rất lớn. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò to lớn trong việc thu hút, tạo việc làm cho lao động là người địa phương, lao động nông thôn, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp, nông thôn sang khu vực công nghiệp, dịch vụ.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, việc phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian qua còn nhiều hạn chế. Ngoài những hạn chế về việc tiếp cận vốn vay khó, công nghệ lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, trình độ quản lý và chất lượng lao động thấp thì còn một hạn chế rất cơ bản khiến các doanh nghiệp nhỏ và vừa mất khả năng cạnh tranh đó là năng lực tiếp cận với các chính sách pháp luật và thông lệ quốc tế trong kinh doanh.

Trước tình hình đó, Nhà nước đã có các chính sách hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, công tác tổ chức thực thi chính sách vẫn còn nhiều hạn chế. Với mục tiêu chung đến năm 2020 đưa tỉnh Vĩnh Phúc trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và mục tiêu nhằm củng cố, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa cả về số lượng, chất lượng với quy mô hợp lý,... Chính vì vậy, cần phải đặc biệt chú ý tới công tác này, nếu không sẽ vừa gây ra lãng phí mà lực lượng DNNVV sẽ còn đối diện với nhiều khó khăn hơn nữa. Đó chính là lý do quan trọng giúp tôi chọn đề tài: ***“Thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc”***.

2. Câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu

2.1. Câu hỏi nghiên cứu

Công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay như thế nào và cần làm gì để hoàn thiện công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới?

2.2. Mục tiêu nghiên cứu:

2.2.1. Mục tiêu chung :

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc, những khó khăn, vướng mắc từ đó đề ra một số giải pháp hoàn thiện trong thời gian tới.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Nghiên cứu thực trạng công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh

Vĩnh Phúc, từ đó tìm ra những thuận lợi, khó khăn trong việc thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện góp phần thực hiện tốt chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc phù hợp với mục tiêu đề ra của tỉnh.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của Luận văn

Công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn việc nghiên cứu thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý trong phạm vi doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc

4. Những đóng góp của Luận văn

4.1. Về mặt lý luận:

Hệ thống hóa cơ sở lý luận cơ bản về công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, làm sáng tỏ bản chất và nội dung về công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4.2. Về mặt thực tiễn:

- Đánh giá được thực trạng công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc, để từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này trong thời gian tới và giúp cho việc tổ chức thực hiện khi nhân rộng ra toàn quốc được hiệu quả, tránh lãng phí và sai sót trong quá trình thực hiện.

- Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu; làm tư liệu tham khảo phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập và giảng dạy cho đội ngũ thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý.

5. Cấu trúc của luận văn

Để thực hiện được mục đích của Luận văn, ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được chia thành 04 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2. Phương pháp nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu

Chương 3. Thực trạng công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc

Chương 4. Giải pháp hoàn thiện công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc

CHƯƠNG I. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt DNNVV là rất quan trọng, cấp thiết và đã được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý quan tâm, điển hình như:

Bài báo *“Cơ chế hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và việc xây dựng các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại Việt Nam”* (2014) của tác giả Dương Đăng Huệ, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Hà Nội.

Bài báo *“Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn”* (2014) của tác giả Bùi Huyền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Hà Nội.

Bài báo *“Hoàn thiện các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”* (2013) của Hội Luật gia thành phố Đà Nẵng đăng trên Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội, Đà Nẵng.

Giáo trình *“Chính sách Kinh tế - Xã hội”* (1999) của tác giả Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

Luận án tiến sĩ *“Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế”* (2007) của Phạm Văn Hồng, trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Luận án tiến sĩ *“Chính sách tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh vùng đồng bằng sông Cửu Long”* của ông Nguyễn Thiện Phong, trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Luận văn thạc sĩ *“Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”* của ông Diêm Đăng Việt, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận văn thạc sĩ *“Giải pháp hoàn thiện quá trình thực thi chính sách thu hồi đất nông nghiệp, bồi thường giải phóng mặt bằng tại huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang”* (2010) của ông Khổng Minh Tùng, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Trong mục tổng quan nghiên cứu, các tác giả đã đề cập tới nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa như chính sách hỗ trợ tài chính, hỗ trợ phát triển nhân lực, hỗ trợ công nghệ, mặt bằng đất đai..., tuy nhiên chưa có luận án hay luận văn nào đề cập tới công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì vậy, tôi muốn chọn đề tài *“Thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc”* với mục đích nghiên cứu sâu về việc thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý này, từ đó đề ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

1.2 Cơ sở lý luận

1.2.1. Chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.1.1. Khái niệm chính sách

Theo Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thì *“Chính sách là tổng thể các tư tưởng, quan điểm, giải pháp và công cụ mà chủ thể quản*

lý sử dụng để tác động lên các đối tượng và khách thể quản lý nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định của hệ thống theo định hướng mục tiêu tổng thể” (Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền, 1999, trang 18).

- Chính sách kinh tế - xã hội (chính sách công):

Khái niệm chính sách kinh tế - xã hội (KT – XH) được Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền nêu trong Giáo trình Chính sách kinh tế - xã hội của Trường Đại học kinh tế quốc dân theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Xét theo nghĩa rộng, *“chính sách KT - XH là tổng thể các quan điểm, tư tưởng phát triển, những mục tiêu tổng quát và những phương thức cơ bản để thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước”.*

Xét theo nghĩa hẹp, *“chính sách KT - XH là một quyết sách của Nhà nước nhằm giải quyết một vấn đề chín muồi đặt ra đặt ra trong đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, thông qua hoạt động thực thi của các ngành, các cấp có liên quan trong bộ máy Nhà nước”.*

1.2.1.2. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tiếp cận dưới góc độ pháp lý, căn cứ theo Điều 3 Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, định nghĩa: *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)”.*

1.2.1.3. Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Kinh tế tư nhân tuy rộng lớn nhưng về cơ bản quy mô nhỏ và đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đối với DNNVV thì việc tiếp cận pháp lý gặp rất nhiều vướng mắc, doanh nghiệp khó khăn trong việc thuê chuyên gia tư vấn về pháp lý do DNNVV quy mô nhỏ. Hầu hết các DNNVV không có cán bộ pháp chế hoặc cán bộ chuyên trách về pháp lý, vì vậy rất khó để tiếp cận được các thông tin pháp lý.

- Trình độ công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới, hơn nữa tốc độ đổi mới lại quá chậm. Hạn chế về năng lực cán bộ nên việc tiếp cận với các thông tin pháp lý rất hạn chế, thiếu hiệu quả.

- Trình độ quản lý, tay nghề của người lao động còn hạn chế. Đa số chủ doanh nghiệp trình độ có hạn, dẫn tới việc hiểu biết pháp luật cũng có hạn.

- Sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm, dịch vụ còn thấp. Hạn chế về thông tin, hạn chế về vốn, hiểu biết pháp lý hạn chế dẫn tới việc khó cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Quản trị nội bộ doanh nghiệp còn yếu, nhất là quản trị tài chính. DNNVV thường làm không theo quy chuẩn, không chú ý nhiều tới vấn đề môi trường pháp lý.

1.2.1.4. Vai trò doanh nghiệp nhỏ và vừa

Có khả năng huy động mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần ổn định xã hội; Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh; Làm vệ tinh cho các doanh nghiệp lớn và là tiền đề hình thành các doanh nghiệp lớn; Góp phần đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân - nguồn nhân lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.1.5. Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Hiểu theo nghĩa rộng, *“hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là việc thực hiện các hoạt động của các tổ chức được Nhà nước giao chức năng thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp dưới nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho doanh nghiệp, hình thành ở họ ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong kinh doanh, góp phần bảo vệ pháp chế, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật”*.

Hiểu theo nghĩa hẹp thì *“hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp là công tác, lĩnh vực hoạt động, bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho việc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (xây dựng chương trình, kế hoạch; triển khai chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc áp dụng các hình thức, nội dung hỗ trợ; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp)”*.

1.2.1.6. Mục tiêu của chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mục tiêu cụ thể của chính sách là nhằm khắc phục cơ bản tình trạng DNNVV gặp khó khăn trong việc tiếp cận với thông tin pháp luật; Đáp ứng cơ bản yêu cầu bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp và kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp; Hình thành mạng lưới tư vấn pháp luật gồm Luật gia, Tư vấn viên pháp luật và cộng tác viên tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa bàn kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Bảo đảm phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hỗ trợ tư vấn về các nội dung cơ bản của pháp luật kinh doanh; Nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

1.2.1.7. Sự cần thiết phải hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Lý do đầu tiên là xuất phát từ phía doanh nghiệp còn hạn chế kiến thức pháp lý. Nhận thức của nhiều chủ doanh nghiệp, nhà quản lý doanh nghiệp về vai trò của pháp luật trong hoạt động kinh doanh còn khá hạn chế.

Lý do thứ hai là hệ thống pháp luật phức tạp và chưa hoàn thiện. Ngoài ra, cơ chế đảm bảo thực thi các quy định của pháp luật hiện nay cũng có nhiều vấn đề..

Lý do thứ ba là cơ quan nhà nước còn chưa chú trọng đến công tác pháp chế và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Lý do thứ tư là thực trạng các luật gia độc lập còn nhiều bất cập. Hiện nay, số lượng các luật gia độc lập là không ít, nhưng thường tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, còn những địa phương khác thì hạn chế hơn.

Lý do thứ năm là các DNNVV có quy mô nhỏ, thiếu hụt về vốn, kỹ thuật, năng lực cạnh tranh yếu, gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các thông tin, ít có cơ hội cập nhật các chính sách mới của nhà nước, vì vậy phần lớn các DNNVV không có nhiều kiến thức pháp luật.

1.2.2. Lý luận về thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.2.1. Khái niệm

Theo sách Chính sách công của Hoa Kỳ giai đoạn 1935 – 2001, định nghĩa “*Thực hiện chính sách là quá trình chuyển những tuyên bố trên giấy tờ của chính quyền về loại dịch vụ, mục tiêu, đối tượng, phương thức thành những hành động nhất định nhằm phân phối dịch vụ từ tuyên bố*”(Lê Vinh Danh, 2001, trang 286).

Như vậy, thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là quá trình biến các chính sách thành những kết quả trên thực tế thông qua các hoạt động có tổ chức trong bộ máy Nhà nước, nhằm hiện thực hóa những mục tiêu mà chính sách đã đề ra.

1.2.2.2. Tầm quan trọng của quá trình thực thi chính sách

- Thực thi chính sách chính là điều kiện đủ, điều kiện quyết định để đưa chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV vào thực tiễn.

- Công tác thực thi chính sách nếu không được tiến hành hoặc tiến hành không tốt dễ dẫn đến sự thiếu tin tưởng của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

- Góp phần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Qua tổ chức thực thi mới có thể biết chính xác chính sách đó có thiết thực đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa không.

1.2.2.3. Hình thức thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động doanh nghiệp.
- Tổ chức bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp.
- Xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cơ quan thực thi chính sách.

1.2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực thi chính sách

- Các yếu tố khách quan:

- + Bản chất của vấn đề cần giải quyết.

+ Bối cảnh thực tế: Bối cảnh xã hội, bối cảnh kinh tế, bối cảnh công nghệ, bối cảnh chính trị, bối cảnh quốc tế.

- Các yếu tố chủ quan: Yếu tố giao tiếp, truyền đạt; Bộ máy và cán bộ làm nhiệm vụ tổ chức thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý; Thủ tục hành chính; Kinh phí thực thi chính sách; Thái độ và hành động của DNNVV.

1.2.2.5. Các điều kiện cần thiết để thực thi chính sách

- Phải có chính sách hợp lý khoa học – điều kiện tiên quyết để thực thi chính sách thành công.

- Phải có nền hành chính công đủ hiệu lực, có khả năng thích nghi cao và trong sạch để thực thi đúng các chính sách qua các thời kỳ phát triển.

- Phải tạo được niềm tin và sự ủng hộ của đại đa số đối tượng chịu tác động của chính sách.

1.2.3. Quá trình tổ chức thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.3.1. Giai đoạn chuẩn bị triển khai

- Xác định bộ máy tổ chức thực thi chính sách.

- Xây dựng chương trình hành động.

- Ra văn bản hướng dẫn.

- Tổ chức tập huấn.

1.2.3.2. Giai đoạn triển khai thực thi chính sách

- Truyền thông chính sách.

- Triển khai các chương trình, dự án phát triển.

- Vận hành của các quỹ.

- Công tác phối hợp hoạt động.

- Phát triển các chính sách hỗ trợ dịch vụ.

1.2.3.3. Giai đoạn kiểm soát thực thi chính sách

- Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi và thu thập thông tin.

- Đánh giá việc thực hiện chính sách.

- Điều chỉnh chính sách.

- Tổng kết việc thực thi chính sách.

1.2.4. Tiêu chí đánh giá việc thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.2.4.1. Nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải tiếp cận thông tin pháp lý

1.2.4.2. Khả năng tiếp cận được thông tin pháp lý của doanh nghiệp

1.2.4.3. Mức độ kịp thời của cơ quan thực thi chính sách

1.2.4.4. Hiệu quả của chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đối với doanh nghiệp

1.2.4.5. Hiệu quả tác động của chính sách hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp

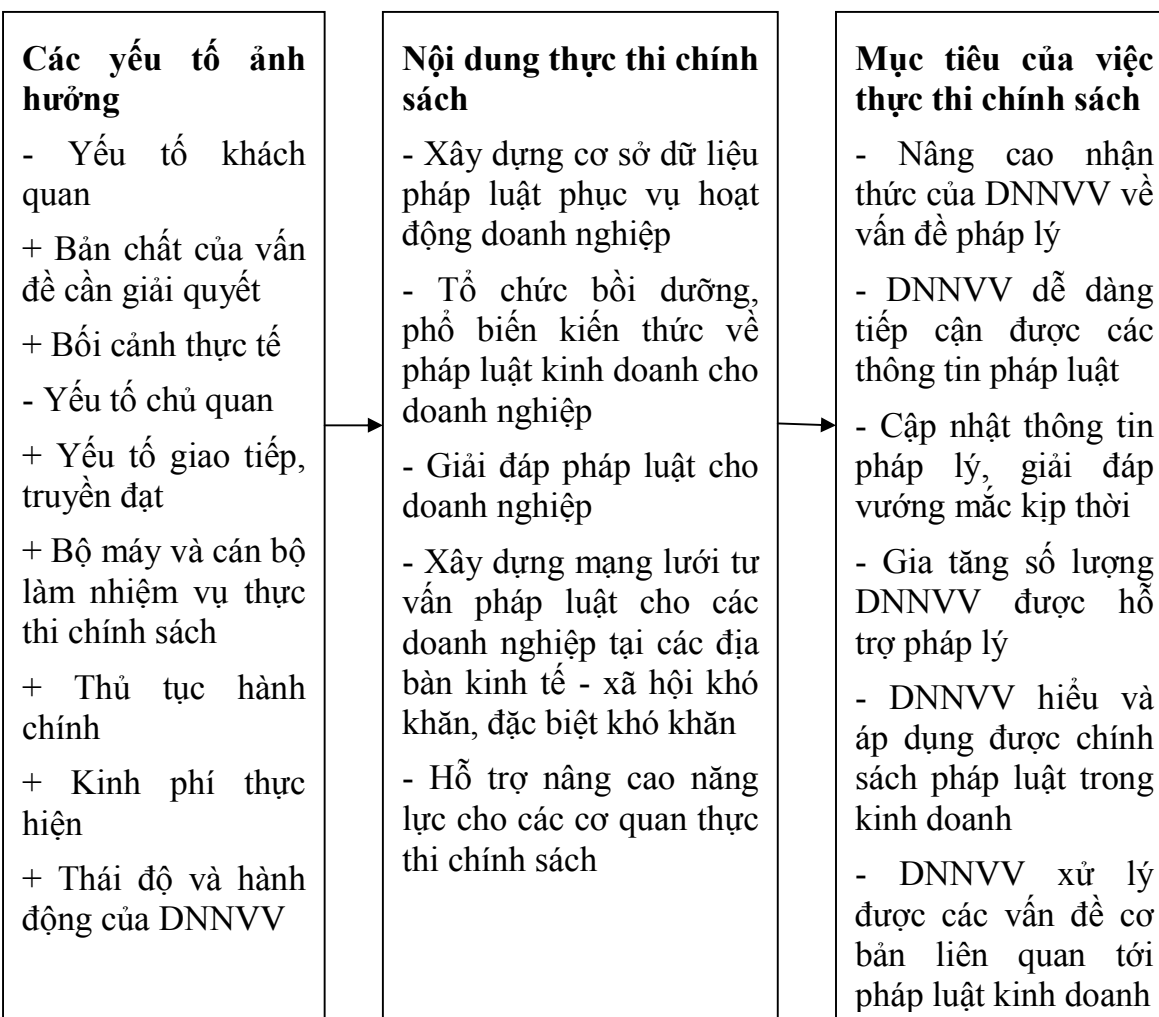
CHƯƠNG II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp luận và phương pháp tiếp cận

Phương pháp luận: Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử.

Phương pháp tiếp cận: Tác giả sử dụng cách tiếp cận hệ thống để nhìn nhận vấn đề thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý theo hệ thống, có mối liên hệ với nhau giữa các nội dung.

2.2. Khung lý thuyết nghiên cứu



2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

2.3.1.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

Thông tin và dữ liệu thứ cấp được thu thập từ nguồn các báo cáo của các Sở, ban, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc; từ sách, báo, internet; đề án, đề tài, luận án

tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, các bài báo khoa học, giáo trình, sách tham khảo, đồng thời thu thập, phân loại các văn bản pháp luật của Nhà nước về chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

2.3.1.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

Luận văn tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa và phỏng vấn bằng điện thoại đối với cán bộ thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc.

Kích thước mẫu: Tác giả luận văn gửi 100 phiếu đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và thu về được 82 phiếu. Đồng thời, tác giả phỏng vấn qua điện thoại có chọn lọc 6 cán bộ thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (nội dung điều tra thể hiện ở Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của luận văn).

2.3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Sau khi thu thập được các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp, tác giả luận văn tiến hành kiểm tra tính xác thực của thông tin, nhập dữ liệu và xử lý bằng phần mềm Excel.

Ngoài ra để xử lý dữ liệu, tác giả luận văn còn sử dụng phương pháp thống kê như mô tả, phân tích, so sánh đối chiếu, tổng hợp, chuyên gia; từ đó đưa ra những kết luận về thực trạng thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc.

CHƯƠNG III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

3.1.1.1. Vị trí địa lý

3.1.1.2. Địa hình

3.1.1.3. Khí hậu, thủy văn

3.1.1.4. Dân số và nguồn nhân lực

Dân số trung bình năm 2014 khoảng 1.029.412 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 11%. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm 60%, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo chiếm 63%, tỷ lệ dân số làm việc trong khu vực nhà nước chiếm 8,2%, làm việc ngoài nhà nước chiếm 86,6%, làm việc trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,2%.

Giai đoạn 2010-2014, đào tạo được hơn 132.983 người, hàng năm có khoảng 26.000 người tốt nghiệp đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu lao động của mọi thành phần kinh tế.

3.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc

Theo Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, tốc độ tăng trưởng bình quân 18 năm (1997 – 2014) là 14,8%/năm. Năm 2014, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh đạt 54.690 tỷ đồng, tăng 6,11% so với năm 2013. Giai đoạn 2011-2014, GRDP của tỉnh tăng trưởng bình quân 6,04%/năm, giá trị tăng thêm tăng bình quân 8,65%/năm.

Thu nhập bình quân tiếp tục tăng trưởng và luôn nằm trong nhóm các địa phương có GRDP bình quân đầu người cao của cả nước. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng chưa đạt mục tiêu.

Không chỉ phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hoá - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển, từng bước kết hợp hài hoà với tăng trưởng kinh tế. Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo được tỉnh đặc biệt quan tâm, an sinh xã hội được bảo đảm. Các chính sách giảm nghèo được thực hiện tốt, lồng ghép với nhiều chương trình, kế hoạch khác nhau.

3.2. Đặc điểm chung về doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Số lượng, quy mô, cơ cấu doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, tính đến hết năm 2014, toàn tỉnh có 6.129 DNNVV đăng ký hoạt động, vốn đăng ký 41.699 tỷ đồng. Trong đó, số doanh nghiệp đang hoạt động là 4.290, chiếm 97% tổng số doanh nghiệp của tỉnh. Trong 2 năm 2013 – 2014, toàn tỉnh có trên 1.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.

Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước có số doanh nghiệp rất đông, chiếm 97% trong tổng số. Số lượng DNNVV chủ yếu tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước và có quy mô lao động tương đối nhỏ.

Quy mô của các doanh nghiệp còn nhỏ bé; vốn đầu tư ít, chủ yếu là vốn vay. Thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp dẫn đến nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm sản xuất, tạm ngừng hoạt động, hoặc hoạt động sản xuất cầm chừng.

Xét về quy mô vốn thì DN tỉnh Vĩnh Phúc chủ yếu là DNNVV, có quy mô vốn thấp và chủ yếu tập trung ở khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước, chiếm tỷ lệ 96,84%. DN tỉnh Vĩnh Phúc có quy mô vốn hầu hết dưới 50 tỷ.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng 7,5%/năm; dịch vụ tăng 7,4%/năm; nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 3,0%/năm.

3.2.2. Nhân lực trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, nguồn nhân lực trong khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc rất lớn, khoảng hơn 70.000 lao động, chiếm 60% lao động trong khu vực doanh nghiệp.

Chất lượng nguồn nhân lực của các DNNVV trên địa bàn tỉnh còn thấp, phần lớn chưa qua đào tạo chuyên môn, thiếu kinh nghiệm cũng như khả năng vận dụng vào thực tiễn.

3.2.3. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Các DNNVV trên địa bàn tỉnh đã có tốc độ tăng trưởng đáng kể về mặt đầu tư và sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, so với tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế - chính trị và sức lan toả của các khu vực công nghiệp trong và ngoài tỉnh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, thách thức về thị trường kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là việc huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, toàn tỉnh hiện đã có gần 2000 doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể, chiếm 34% tổng số doanh nghiệp của tỉnh.

Cơ cấu ngành nghề kinh doanh còn chưa hợp lý. Hầu hết công nghệ sản xuất ở mức trung bình; hệ thống máy móc, trang thiết bị còn thiếu và lạc hậu; năng suất lao động thấp. Chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp.

3.2.4. Đóng góp của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa vào GDP, xuất nhập khẩu

Theo số liệu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, năm 2014 tổng số nộp ngân sách của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 4,67% trên tổng thu Ngân sách của tỉnh. Tổng giá trị sản xuất của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp khoảng 9,3% tổng GDP của tỉnh.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp này đạt khoảng 7,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; vốn đầu tư trong nền kinh tế đạt 20,4%, tạo việc làm mới cho khoảng 10.831 lao động.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò lớn trong việc thu hút, tạo việc làm cho lao động là người địa phương, lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho trên 70 ngàn lao động, chiếm 60% lao động trong khu vực DN.

3.3. Thực trạng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc

Theo kết quả điều tra 82 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, hầu hết các DNNVV đều có vướng mắc pháp lý và phần lớn chưa được giải quyết. Phần lớn các DNNVV ở Việt Nam có quy mô nhỏ và không có cán bộ phụ trách pháp chế, vì vậy khi gặp vấn đề pháp lý bên trong nội bộ và bên ngoài thì doanh nghiệp thường lúng túng và xử lý tình huống chậm.

Theo đánh giá của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc thì phần lớn DNNVV trên địa bàn có nhu cầu được hỗ trợ pháp lý. Theo kết quả điều tra 82 DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc, nhìn chung nhu cầu hỗ trợ pháp lý của các DNNVV ở mức tương đối cao.

3.4. Thực trạng công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh

3.4.1. Giai đoạn chuẩn bị triển khai

3.4.1.1. Bộ máy tổ chức thực thi chính sách

Để tổ chức thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã giao Sở Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quá trình thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh. Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa phương và làm đầu mối phối hợp với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Cơ quan phối hợp thực hiện chính sách và các cơ quan có liên quan, bao gồm: Bộ Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội doanh nghiệp, Đoàn luật sư thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Nhiệm vụ được phân công rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

Nhìn chung, bộ máy thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc khá đầy đủ thành phần, nhiệm vụ giữa các tổ chức được phân công rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó.

3.4.1.2. Xây dựng chương trình, kế hoạch hành động

Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp, ngày 22/7/2010 HĐND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Nghị quyết 07/2010/NQ-HĐND về phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2010-2015, sau đó UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn năm 2013 – 2016. Trong đó DNNVV là bộ phận chiếm đa số và có những đặc thù riêng cần lưu ý trong quá trình thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý. Tại Hội nghị lần thứ mười ba của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc khóa XV đã thông qua Nghị quyết về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 14 tháng 01 năm 2013), trong đó có nội dung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Theo đó, nội dung chương trình bao gồm: Xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật, thực hiện thông tin pháp lý cho doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thực tiễn pháp lý trong kinh doanh cho các doanh nghiệp; Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình phổ biến kiến thức cơ bản về pháp luật kinh doanh trên các phương tiện thông tin đại chúng cho doanh nghiệp; Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, trong đó, tập trung, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp và bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ pháp chế cho cán bộ pháp chế của doanh nghiệp; Xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; Xây dựng và thực hiện các hoạt động hỗ trợ, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Giám sát, đánh giá, tổng kết việc thực hiện chương trình để đề xuất các hoạt động nhằm phát huy kết quả của chương trình và nhân rộng mô hình điểm.

3.4.1.3. Xây dựng hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện chính sách

Nghị định số 66/2008/NĐ của Chính phủ ngày 28 tháng 5 năm 2008 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó quy định cụ thể nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp năm 2010-2014, định hướng đến năm 2020

Thông tư liên tịch số 157/2010/TT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Quyết định số 2746/QĐ-BTP ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành Quy chế quản lý thực hiện Chương trình 585.

Quyết định số 354/QĐ-BTP ngày 22 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt kế hoạch tổng thể triển khai các hoạt động của Chương trình 585 giai đoạn 2010 – 2014.

Quyết định số 2582/QĐ-BQL ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành phê duyệt Đề án thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn giai đoạn 2010 – 2014.

Nghị quyết 07/2010/NQ-HĐND ngày 22/7/2010 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2010-2015.

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, trong đó xác định nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho DNNVV là nhiệm vụ quan trọng.

Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2013-2016.

UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều văn bản như: Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch triển khai chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tại kế hoạch của các tỉnh, UBND các tỉnh đều xác định đối tượng trọng tâm là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cùng với các văn bản hướng dẫn của Trung ương, các văn bản hướng dẫn của địa phương đã góp phần chỉ đạo thực hiện hiệu quả chính sách, phù hợp với tình hình thực tế địa phương. Tuy nhiên, một số nội dung quy định còn thiếu chi tiết nên trong quá trình thực hiện dễ gây nhầm lẫn hoặc hiểu sai.

3.4.1.4. Tổ chức tập huấn cán bộ chịu trách nhiệm thực thi chính sách

Theo kết quả phỏng vấn cán bộ thực thi chính sách, từ năm 2011 đến năm 2014, số lượng cán bộ đã được đào tạo qua chương trình do Bộ Tư pháp tổ chức là 26 lượt người, hầu hết là cán bộ thực thi chính sách HTPL ở cấp tỉnh. Trung bình mỗi năm, tỉnh Vĩnh Phúc mở được 2 lớp bồi dưỡng cho cán bộ thực thi chính sách HTPL ở các cấp trong toàn tỉnh, từ năm 2012 đến năm 2014 đào tạo được hơn 200 lượt người. Theo đánh giá của cán bộ thực thi chính sách HTPL của tỉnh thì qua các đợt đào tạo khác nhau, đa số các đối tượng được đào tạo trùng nhau, nên thực tế số lượng cán bộ thực thi chính sách ở các cấp được đào tạo còn thấp, trong khi nhu cầu được đào tạo, cập nhật thông tin pháp lý của cán bộ thực thi chính sách cao, đặc biệt các cán bộ làm công tác thực thi chính sách tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn.

3.4.2. Giai đoạn triển khai thực thi chính sách

3.4.2.1. Truyền thông chính sách

Tỉnh Vĩnh Phúc đã lên kế hoạch tổ chức thực hiện chính sách bằng công tác truyền thông, tập trung vào hai nhóm đối tượng chính đó là: Nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách là doanh nghiệp và Nhóm thực thi gồm các cán bộ và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm quản lý, triển khai thực hiện chính sách.

Chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc được tuyên truyền, phổ biến qua nhiều hình thức: thông qua các phương tiện thông tin, công cụ hỗ trợ như cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, công báo, Cổng thông tin đối thoại “Doanh nghiệp - Chính quyền”, đài phát thanh và truyền hình của Trung ương và tỉnh Vĩnh Phúc, báo điện tử, báo giấy; qua các khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng pháp luật cho doanh nghiệp; qua các buổi hội thảo, tọa đàm, diễn đàn.

3.4.2.2. Triển khai các nội dung chương trình, dự án

Trong giai đoạn tổ chức triển khai chính sách, tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức thực hiện các chương trình với nhiều nội dung hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.

Tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng cơ sở dữ liệu pháp luật và đăng tải trên các Trang thông tin điện tử chính thức của tỉnh. Qua phỏng vấn các cán bộ thực thi chính sách HTPL, năm 2014 Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đã tổ chức, xây dựng, duy trì cập nhật cơ sở dữ liệu của 90 văn bản quy phạm pháp luật (trong đó có 66 văn bản Trung ương và 24 văn bản của tỉnh).

Theo kết quả phỏng vấn đại diện Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, vấn đề trả lời, giải đáp các câu hỏi, ý kiến thắc mắc của doanh nghiệp trên Cổng thông tin đối thoại “Doanh nghiệp – Chính quyền”, Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc đã phối hợp, điều phối đến các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trả lời 74 câu hỏi do các tổ chức, doanh nghiệp gửi đến.

Nhìn chung, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã triển khai chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức khá hiệu quả. Trung bình số DNNVV được hỗ trợ chiếm khoảng 20% trên tổng số DNNVV cả tỉnh. Con số này còn khá khiêm tốn, tuy nhiên qua 3 năm thực hiện thì đây là một nỗ lực lớn đối với cơ quan thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý.

3.4.2.3. Phối hợp các tổ chức

Chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV được nhiều cơ quan cùng thực hiện, trong đó đầu mối là Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc.

Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức đại diện của doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật trên Trang thông tin điện tử của tỉnh.

Văn phòng UBND phối hợp với Sở Thông tin - Truyền thông duy trì, cập nhật và đăng tải trên Trang thông tin điện tử tỉnh, Trang dữ liệu pháp luật quốc gia các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, đặc biệt là các văn bản liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp. Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan có liên quan xây dựng, duy trì chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” trên Cổng thông tin - giao tiếp điện tử của tỉnh để đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan đến doanh nghiệp.

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với các Sở, ban, ngành tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn, giải đáp các thắc mắc của DNNVV.

3.4.3. Giai đoạn kiểm soát thực thi chính sách

3.4.3.1. Xây dựng hệ thống thông tin phản hồi

Tỉnh Vĩnh Phúc đã xây dựng kênh thông tin thu nhận và phản hồi thông tin qua thư điện tử (email), điện thoại trực tiếp đối với các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của các cơ quan chuyên môn có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và qua Cổng thông tin đối thoại “Doanh nghiệp - Chính quyền”; Quy định về tổ chức kênh phản hồi thông tin từ doanh nghiệp, có quy định cụ thể về nhiệm vụ và trách nhiệm đối với bộ phận, cán bộ chuyên trách làm công tác phản hồi thông tin.

3.4.3.2. Đánh giá, kiểm tra và tổng kết việc thực thi chính sách

Định kỳ hàng quý, các cơ quan thực thi chính sách đánh giá công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và gửi báo cáo cho Sở Tư pháp tổng hợp để báo cáo Lãnh đạo tỉnh.

Hàng năm có các Đoàn thanh tra từ Trung ương đến địa phương thực hiện công tác thanh tra việc thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của các cơ quan thực thi chính sách các cấp trong tỉnh. Ngoài ra, còn có sự tham gia, giám sát của các tổ chức đoàn thể, của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Sau mỗi năm thực hiện, các cơ quan thực thi chính sách tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật, đánh giá công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, ý kiến đóng góp xây dựng, đánh giá kết quả đạt được, chưa đạt được để rút

kinh nghiệm cho năm sau. Trên cơ sở các tổ chức cấp dưới báo cáo cho Ban chỉ đạo và từ đó Ban chỉ đạo điều chỉnh, rút kinh nghiệm và đề xuất cơ quan cấp trên sửa đổi.

3.5. Đánh giá công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc

3.5.1. Đánh giá việc thực thi chính sách thông qua các tiêu chí

3.5.1.1. Đánh giá nhận thức của doanh nghiệp về mức độ cần thiết phải tiếp cận thông tin pháp lý

Qua điều tra 82 DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc, đánh giá nhận thức của doanh nghiệp về việc phải cập nhật liên tục các chính sách, pháp luật mới, chỉ có 8,54% DN cho là không cần thiết, 91,46% DN cho là cần thiết và rất cần thiết phải cập nhật liên tục các chính sách, pháp luật mới.

Đối với nội dung chấp hành, tuân thủ pháp luật trong kinh doanh, có 46,34% DN thấy cần thiết và 53,66% DN thấy rất cần thiết, không có DN nào thấy không cần thiết phải chấp hành, tuân thủ pháp luật trong kinh doanh.

Để đánh giá nhận thức của doanh nghiệp về việc cần thiết phải nâng cao năng lực, hiểu biết pháp luật của cán bộ quản lý và cán bộ pháp chế, thì không có DN nào thấy không cần thiết, đa số DN thấy cần thiết (chiếm tỷ lệ 82,93%), 17,07% DN thấy rất cần thiết.

Qua kết quả điều tra, doanh nghiệp đã nhận thức được về tầm quan trọng của việc hiểu biết pháp luật trong kinh doanh. Trong đó, số lượng doanh nghiệp nhận thức về nội dung nâng cao năng lực, hiểu biết pháp luật của cán bộ quản lý và cán bộ pháp chế là nhiều nhất. Từ đó, nâng cao được nhận thức và hành động của doanh nghiệp trong thời gian tới.

3.5.1.2. Đánh giá khả năng tiếp cận được thông tin pháp lý của doanh nghiệp

Qua phỏng vấn, các cán bộ thực thi chính sách HTPL đánh giá phần lớn các DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc đã biết các nguồn có thể tiếp cận được thông tin pháp lý, tuy nhiên việc tiếp cận còn chậm và cần có sự hỗ trợ.

Để đánh giá khả năng tiếp cận được thông tin pháp lý của doanh nghiệp, tác giả đã điều tra 82 DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc. Nội dung nhận biết của doanh nghiệp về chính sách hỗ trợ pháp lý, nhìn chung, phần lớn các DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc đã biết đến các chính sách hỗ trợ pháp lý, tuy nhiên không hiểu rõ (chiếm tỷ lệ 62,20%), 15,85% DN hiểu rõ chính. Từ kết quả điều tra, tác giả nhận thấy công tác truyền thông chính sách HTPL của tỉnh Vĩnh Phúc khá tốt, đã tuyên truyền được tới nhiều doanh nghiệp, chính sách đã lan tỏa trong phạm vi rộng, tuy nhiên hầu hết doanh nghiệp chưa hiểu rõ về nội dung của chính sách.

Về nội dung DN biết tự tra cứu thông tin khi gặp vướng mắc pháp lý hoặc có văn bản pháp luật mới, số lượng DN không tra cứu được thông tin vẫn còn không ít, đa số DN tra cứu được nhưng cần hỗ trợ.

Theo kết quả điều tra 82 DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc về nội dung nhận biết của doanh nghiệp về các văn bản quy phạm pháp luật, 64,94% DN biết nội dung nhưng không sử dụng được, 19,48% DN biết rõ nội dung và sử dụng được, chỉ có 15,58% DN không biết nội dung

Mặc dù số lượng doanh nghiệp nhận biết được các văn bản pháp luật về kinh doanh ở mức độ cao, nhưng hiểu và vận dụng được các văn bản pháp luật này còn rất thấp. Vì vậy, rất cần Nhà nước hỗ trợ nâng cao năng lực hiểu biết pháp lý cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và cán bộ phụ trách pháp chế.

3.5.1.3. Đánh giá mức độ kịp thời của cơ quan thực thi chính sách

Theo kết quả điều tra 82 DNNVV, đánh giá mức độ kịp thời của các cơ quan thực thi chính sách trong việc cập nhật và thông tin khi có chính sách pháp luật mới hoặc văn bản pháp luật hết hiệu lực thi hành, văn bản có nội dung sửa đổi, đa số DN phản ánh là rất chậm và chậm, chỉ có 21,74% DN đánh giá là kịp thời.

Đối với nội dung mức độ kịp thời của các cơ quan thực thi chính sách trong việc giải đáp các vướng mắc khi doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ pháp lý, chỉ có 18,18% DN phản ánh là giải đáp kịp thời, 24,24% DN phản ánh giải đáp rất chậm, phần lớn DN phản ánh giải đáp chậm (chiếm tỷ lệ 57,58%).

Kết quả điều tra đã phản ánh cơ quan thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được kịp thời, phần lớn là chậm và rất chậm. Đối với vấn đề giải đáp các vướng mắc khi doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ pháp lý thì đây là một vấn đề phức tạp và khó, cần thời gian nên chưa thể giải đáp được toàn bộ các vướng mắc nhanh. Tuy nhiên, vấn đề cập nhật và thông tin khi có chính sách pháp luật mới hoặc văn bản pháp luật hết hiệu lực thi hành, văn bản có nội dung sửa đổi thì các cơ quan thực thi chính sách cần thực hiện kịp thời và vấn đề này có thể xử lý ngay. Nội dung này rất quan trọng vì việc cập nhật thông tin pháp lý kịp thời giúp doanh nghiệp có thể áp dụng và giải quyết vấn đề vướng mắc đúng quy định của pháp luật, tránh mất thời gian và lãng phí, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

3.5.1.4. Đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đối với doanh nghiệp

Qua điều tra 82 DNNVV về việc tham dự khóa bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm do cơ quan thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý tổ chức, có 54 DN đã tham dự, 28 DN chưa tham dự. Theo đó, 54 DN đã tham dự trả lời các câu hỏi về tính thiết thực của nội dung chương

trình và câu hỏi về việc giảng viên, cán bộ hỗ trợ pháp lý có giải đáp được các vướng mắc của doanh nghiệp không.

Từ các thông tin điều tra được, tác giả nhận thấy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn có nội dung thiết thực đối với doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu và mong muốn của đa số DN. Việc giải đáp các vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp tại các buổi đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đã đáp ứng được cơ bản yêu cầu của doanh nghiệp, mặc dù phần lớn chỉ giải đáp được một phần vướng mắc. Tuy nhiên, đối tượng tham gia chương trình không đúng thành phần còn khá cao, điều này làm ảnh hưởng tới mục đích của chương trình, tính hiệu quả sẽ giảm đi và việc tiếp thu cũng như triển khai thực hiện các kiến thức, thông tin pháp lý tại doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn.

3.5.1.5. Đánh giá hiệu quả tác động của chính sách hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp

Tổng hợp từ kết quả điều tra 82 DNNVV cho nội dung này, phần lớn DN đánh giá hiệu quả tác động của chính sách đối với doanh nghiệp ở mức trung bình trở lên, 54,55% DN đánh giá có hiệu quả trung bình, 23,23% DN đánh giá có hiệu quả cao, 5,05% DN đánh giá có hiệu quả rất cao, chỉ có 2,02% DN đánh giá có hiệu quả rất thấp và 15,15% DN đánh giá có hiệu quả thấp.

Nhìn chung, chính sách hỗ trợ pháp lý đối với doanh nghiệp đã có tác động ở mức độ trung bình. Doanh nghiệp đã thấy được tác động của chính sách đối với mình, và có tác động lớn nhất là về mặt nhận thức.

3.5.2. Đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân

3.5.2.1. Những kết quả đạt được

- Việc triển khai chính sách cơ bản bám sát các mục tiêu, nội dung, tiến độ, đúng quy định của pháp luật. Các hoạt động đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trên toàn tỉnh, qua đó, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức pháp lý, thói quen tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; thiết lập các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động thực thi pháp luật của doanh nghiệp.

- Bộ máy thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho DNNVV tỉnh Vĩnh Phúc khá đầy đủ thành phần, nhiệm vụ giữa các tổ chức được phân công rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó.

- Nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc phải tiếp cận thông tin pháp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được nâng cao, doanh nghiệp nhận thấy cần thiết phải cập nhật liên tục các chính sách, pháp luật mới, phải chấp hành, tuân thủ pháp luật trong kinh doanh và cần phải nâng cao năng lực, hiểu biết pháp luật của cán bộ quản lý và

cán bộ pháp chế, đó là nền tảng cho những hành động cụ thể nhằm cải thiện năng lực pháp lý của doanh nghiệp.

Trong quá trình thực hiện luôn lồng ghép, lựa chọn thời gian tổ chức cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chủ yếu tổ chức vào ngày thứ 7 và chủ nhật để không ảnh hưởng nhiều tới dây chuyền sản xuất. Thực hiện các bước điều tra, đăng ký để sắp xếp các lớp tập huấn theo khu vực tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên ít phải đi xa. Các khóa học luôn coi trọng và dành thời gian trao đổi, thảo luận, liên hệ giữa thực tế và quy định của pháp luật làm phong phú cho nội dung học tập, góp phần nâng cao chất lượng học tập và đạt kết quả cao.

Các lớp bồi dưỡng đều thu hút rất nhiều doanh nghiệp tham gia, đặc biệt là các doanh nghiệp ở địa bàn có điều kiện KT – XH khó khăn.

Đã hình thành được bộ giáo trình chuyên môn về công tác pháp chế doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp hiểu rõ chức năng nhiệm vụ của cán bộ pháp chế, vai trò của người làm công tác pháp chế doanh nghiệp.

Đã hình thành được mạng lưới tư vấn pháp luật cho các DNNVV tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, một số doanh nghiệp được hỗ trợ tư vấn trực tiếp.

3.5.2.2. Hạn chế

- Năng lực đội ngũ cán bộ thực thi chính sách ở các cấp trong tỉnh còn hạn chế.
- Công tác cập nhật và thông tin của cơ quan thực thi chính sách còn chậm khi có chính sách pháp luật mới hoặc văn bản pháp luật hết hiệu lực thi hành, văn bản có nội dung sửa đổi. Cơ quan thực thi chính sách giải đáp chưa kịp thời các vướng mắc khi doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ các vấn đề về pháp lý.
- Một số nội dung các văn bản hướng dẫn thực thi chính sách quy định còn thiếu chi tiết nên trong quá trình thực hiện dễ gây nhầm lẫn hoặc hiểu sai. Ngôn ngữ, văn phong pháp lý trong nhiều văn bản chưa được sử dụng chuẩn xác. Cách diễn đạt ngôn ngữ có thể hiểu theo nhiều nghĩa dẫn đến tình trạng thiếu nhất quán trong áp dụng.
- Doanh nghiệp tiếp cận các thông tin pháp lý còn khó khăn, mất nhiều thời gian và phần lớn chưa tự tra cứu được thông tin mà cần có sự hỗ trợ.
- Đa số doanh nghiệp đã nhận biết được các văn bản pháp luật về kinh doanh, nhưng hiểu và vận dụng được các văn bản pháp luật này còn rất thấp.
- Giải đáp các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp phần lớn mới chỉ giải quyết được một phần, chưa giải quyết được toàn bộ vấn đề.
- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn đôi khi còn chưa đạt hiệu quả do một số đối tượng tham gia chương trình không đúng thành phần.

- Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng đã triển khai thường xuyên, liên tục, tuy nhiên nội dung tuyên truyền vẫn chưa sâu rộng và hình thức tuyên truyền chưa phong phú đa dạng.

- Số lượng doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được hỗ trợ tư vấn còn thấp.

- Kinh phí thực hiện chính sách hạn hẹp nên chưa thể triển khai được nhiều chương trình thiết thực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Việc giám sát, đánh giá công tác thực thi chính sách thiếu chặt chẽ, còn chung chung, chưa có tiêu chí cụ thể.

3.5.2.3. Nguyên nhân

Trong công tác thực thi hỗ trợ pháp lý còn nhiều những hạn chế, nguyên nhân xuất phát từ nhiều lý do:

- Trình độ, kiến thức của các cán bộ thực thi chính sách còn hạn chế..

- Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhiều, lại liên tục được sửa đổi, bổ sung, nên việc tuyên truyền, phổ biến đến người lao động và sử dụng lao động chưa kịp thời. Công tác phối hợp giữa các cơ quan thực thi chính sách chưa thường xuyên, liên tục, một số vấn đề còn chồng chéo nên việc triển khai chính sách có lúc không kịp thời, một số vướng mắc chậm được giải quyết.

- Vấn đề giải đáp các vướng mắc khi doanh nghiệp có nhu cầu hỗ trợ pháp lý là một vấn đề phức tạp và khó, cần nhiều thời gian nên khó có thể giải đáp được toàn bộ các vướng mắc nhanh chóng.

- Việc tiếp cận các thông tin pháp lý còn hạn chế, bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan. Nguyên nhân khách quan do cải cách hành chính diễn ra còn chậm; chính sách pháp luật thiếu ổn định, hay thay đổi; số lượng văn bản pháp luật của nước ta rất nhiều, chưa tập trung, một nội dung có thể liên quan tới nhiều văn bản pháp lý khác nhau và dàn trải ở nhiều lĩnh vực nên khó cho doanh nghiệp tự tra cứu, mà cần có sự hỗ trợ. Thêm vào đó, cơ quan thực thi chính sách chưa xây dựng được một trang thông tin điện tử riêng để cập nhật, đăng tải toàn bộ cơ sở dữ liệu về các nội dung pháp luật liên quan tới kinh doanh và chưa có sự sắp xếp các nội dung văn bản pháp luật hợp lý cho từng lĩnh vực nên việc tra cứu gặp khó khăn, đặc biệt đối với doanh nghiệp mới tiếp cận thông tin pháp lý lần đầu.

CHƯƠNG IV – PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THỰC THI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI TỈNH VĨNH PHÚC

4.1. Phương hướng về thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc

Thứ nhất, tiếp tục phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, coi đó là chiến lược lâu dài, đồng thời cũng là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, có vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của tỉnh; là một trong những nhân tố phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá, góp phần thực hiện mục tiêu đưa tỉnh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Thứ hai, tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu xây dựng.

Thứ ba, triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo chuyển biến cơ bản về nhận thức pháp luật, ý thức tìm hiểu, tuân thủ pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện chính sách đến năm 2020, bám sát mục tiêu, yêu cầu của Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hướng trọng tâm đến việc hỗ trợ trực tiếp, thiết thực nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện các cam kết quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Thứ năm, các hoạt động cụ thể của chính sách hỗ trợ pháp lý trong giai đoạn tiếp theo được triển khai bảo đảm không chồng chéo với các chương trình, dự án khác hỗ trợ cho doanh nghiệp; tăng cường sự tham gia, phối hợp tích cực, hiệu quả của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;

Thứ sáu, việc thực thi chính sách đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và đồng bộ; huy động các nguồn lực xã hội vào công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, từng bước xã hội hóa hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thứ bảy, tiếp tục tăng cường năng lực quản lý cho các tổ chức, cơ quan thực thi công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên gắn với công tác pháp chế của UBND các cấp; nâng cao vai trò của các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.

Thứ tám, tiếp tục xây dựng mạng lưới tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, huy động đội ngũ luật sư có trình độ và kinh nghiệm cao.

Thứ chín, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ pháp lý ở khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng nhiều hình thức, lồng ghép với nhiều chương trình qua đó giúp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hình thành thói quen sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

Thứ mười, công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người sử dụng lao động những năm tới cần tập trung vào các doanh nghiệp có đông người lao động và những doanh nghiệp ít có điều kiện tiếp cận với các văn bản pháp luật.

4.2. Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Vĩnh Phúc

4.2.1. Giải pháp về nâng cao năng lực của bộ máy và đội ngũ cán bộ thực thi chính sách

4.2.2. Giải pháp về tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật, giải đáp các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

4.2.3. Giải pháp về nâng cao khả năng tiếp cận pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

4.2.4. Giải pháp về đẩy mạnh các chương trình bồi dưỡng, phổ biến kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

4.2.5. Giải pháp về đẩy mạnh xây dựng mạng lưới tư vấn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn

4.2.6. Giải pháp về sử dụng hiệu quả kinh phí thực hiện chính sách

4.2.7. Giải pháp về tăng cường giám sát, đánh giá các hoạt động thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý

4.3. Kiến nghị

4.3.1. Kiến nghị đối với cơ quan Trung ương

- Nhà nước cần quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo lập khung pháp lý phục vụ công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Cần tiếp tục tăng cường công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Xây dựng thêm các chính sách thiết thực hỗ trợ pháp lý dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thiết lập mạng lưới tư vấn hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ thêm từ nguồn kinh phí Trung ương cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Rà soát cắt bỏ thủ tục thừa, thực hiện việc cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động của doanh nghiệp.

4.3.1. Kiến nghị đối với UBND tỉnh Vĩnh Phúc

- Bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cơ bản, ưu tiên nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Nghiên cứu cơ chế nhằm huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đối với các hoạt động thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý.

- Đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ pháp lý cho doanh nghiệp.

- UBND tỉnh cần có Chỉ thị chuyên đề và giao cho các cấp, các ngành, chủ sử dụng lao động, người lao động có trách nhiệm trong việc tổ chức học tập quán triệt tại doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Ở Việt Nam, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số và là lực lượng chủ yếu và vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhỏ và vừa thường mất khả năng cạnh tranh do gặp những vướng mắc về mặt thể chế, vướng mắc pháp lý trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, ý thức pháp luật và nhận thức pháp lý, năng lực tiếp cận với các văn bản và hệ thống chính sách pháp luật rất hạn chế.

Vĩnh Phúc là một tỉnh có số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa rất lớn. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã ban hành các Nghị quyết, quyết định về triển khai chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Quá trình thực hiện chính sách này đã tạo được các tác động khá tích cực đối với nhiều doanh nghiệp trong tỉnh.

Nghiên cứu về nội dung này, tại Chương 1, tác giả đã đưa ra cơ sở lý luận về doanh nghiệp nhỏ và vừa, quá trình thực thi chính sách. Trong quá trình triển khai nghiên cứu và hoàn thiện luận văn, việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu đóng vai trò quan trọng để đảm bảo kết quả của quá trình nghiên cứu sẽ tìm ra câu trả lời có giá trị cho câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Tác nêu thực trạng về công tác thực thi chính sách hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Vĩnh Phúc tại Chương 3, đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và tìm ra nguyên nhân để từ đó đề ra các giải pháp phù hợp được nêu tại Chương 4 của Luận văn.

Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng do hạn chế về khả năng và thời gian nên Luận văn này chắc chắn có nhiều khiếm khuyết. Kính mong được sự đóng góp của Quý Thầy Cô để Luận văn càng trở nên hoàn thiện và có thể áp dụng một cách có hiệu quả tại tỉnh Vĩnh Phúc.